

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo quy định thống tư số 04/2012/TT-BCT

Trang 1/11

Peraxide, ả Peroxyacetic Acid-Based Sản phẩm/Dị nhiễm

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-01-29

Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Tên sản phẩm	Peraxide, ả Peroxyacetic Acid-Based Sản phẩm/Dị nhiễm
Số Danh Mục	406047

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	[SU3] Sử dụng trong công nghiệp: Sử dụng các chất như vậy hoặc trong các chế phẩm tại các khu công nghiệp; [PC8] Sản phẩm diệt khuẩn (ví dụ như chất khử trùng, kiểm soát dịch hại);
Hình thức	Thuốc khử trùng.

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty:	Neogen Corporation
Địa chỉ nhà	620 Leshner Place Lansing MI 48912 USA
Web	www.neogen.com
Điện thoại:	517-372-9200/800-234-5333
Địa chỉ email:	SDS@neogen.com

Thông tin khác


	Sản xuất bởi: Preserve International 944 Nandino Blvd. Lexington, KY 40511-1205 U.S.A. Preserve International là một công ty con thuộc sở hữu của Neogen Corporation.
--	---

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

2.1.2. Phân loại (Quy định số GHS)	Org. Perox. EF: H242; Ox. Lịq. 2: H272; Acute Tox. 4: H302; Skin Corr. 1B: H314; STOT SE 3: H335;
------------------------------------	---

2.2 Các yếu tố nhân

Hình ảnh cảnh báo nguy cơ	
Lời cảnh báo	Nguy hiểm
Cảnh báo nguy hiểm	Org. Perox. EF: H242 - Sưởi ấm có thể gây cháy. Ox. Lịq. 2: H272 - Có thể tăng cường hỏa hoạn; oxidiser.

Peraxide, à Peroxyacetic Acid-Based Sản phẩm/Dịch tẩy

Phiên bản

2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-01-29

2.2 Các yếu tố nhân

Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp phòng ngừa	<p>Acute Tox. 4: H302 - Có hại nếu nuốt.</p> <p>Skin Corr. 1B: H314 - Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.</p> <p>STOT SE 3: H335 - Có thể gây kích ứng đường hô hấp.</p>
Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp ứng phó	<p>P210 - Tránh xa sức nóng / tia lửa / lửa / bề mặt nóng. - Không hút thuốc.</p> <p>P220 - Giữ / cửa hàng đi từ quần áo / / vật liệu dễ cháy.</p> <p>P221 - Thực hiện bất kỳ biện pháp phòng ngừa để tránh pha trộn với các chất dễ cháy /</p> <p>P234 - Chỉ giữ lại trong thùng chứa bản đầu</p> <p>P260 - Không được hít bụi / khói / khí / sương mù / hơi / phun</p> <p>P264 - Rửa thật kỹ sâu khi xử lý .</p> <p>P280 - Đeo găng tay bảo vệ / bảo vệ bảo vệ quần áo / mắt / mặt.</p>
Các lưu ý phòng ngừa: Lưu trữ	<p>P301+P330+P331 - Nếu NUỐT: Súc miệng. Không được nôn mửa.</p> <p>P303+P361+P353 - Nếu ON DA (hoặc tóc): Hủy bỏ / Cởi ngay lập tức tất cả quần áo bị ô nhiễm.</p> <p>Rửa sạch da bằng nước / vòi sen.</p> <p>P304+P340 - NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân để không khí trong lành và giữ nạn nhân ở tư thế thuận lợi cho hô hấp.</p> <p>P305+P351+P338 - Nếu VÀO MẮT: Rửa sạch một cách thận trọng với nước trong vài phút. Loại bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ dàng để làm. Tiếp tục rửa.</p> <p>P312 - Gọi một trung tâm giải độc hoặc bác sĩ / bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.</p> <p>P363 - Giặt quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng.</p>
Các lưu ý phòng ngừa: Việc thải bỏ	<p>P410 - Bảo vệ từ ánh sáng mặt trời.</p> <p>P501 - Xử lý các nội dung / container một cơ sở xử lý chất thải nguy hại / đặc biệt được phê duyệt theo quy định của địa phương và quốc gia.</p>

2.3 Các nguy cơ khác

Các dấu hiệu nguy hiểm khác	Chứa chất gây nguy hiểm cho môi trường.
Thông tin khác	Đọc toàn bộ nhãn và làm theo tất cả các hướng dẫn sử dụng, hạn chế và biện pháp phòng ngừa.

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.2 Hỗn hợp

EC 1272/2008

Tên hóa học	Chỉ số	Số CAS	Số EC	REACH Số Đăng ký	Nồng độ %	Phân loại
Hydrogen peroxide solution...%	008-003-00-9	7722-84-1	231-765-0		20 - 30%	Ox. Lịq. 1: H271; Acute Tox. 4: H332; Acute Tox. 4: H302; Skin Corr. 1A: H314;
Acetic acid ...% (Acid acetic)	607-002-00-6	64-19-7	200-580-7		10 - 20%	Flâm. Lịq. 3: H226; Skin Corr. 1A: H314;
1-Hydroxyethane-1,1,-diphosphonic acid		2809-21-4	220-552-8		1 - 10%	Met. Corr. 1: H290; Eye Dâm. 1: H318;

Hình thể

	Nồng độ được liệt kê không phải là thông số kỹ thuật sản phẩm.
--	--

Thông tin khác

	Toàn văn Tuyên bố về môi trường được liệt kê trong Phần này được cung cấp trong Phần 16.
--	--

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sau khi hít phải:	Di chuyển người tiếp xúc với không khí trong lành. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí
--------------------------	--

Peraside, à Peroxyacetic Acid-Based Saniřizer/Disinfectant

Phiên bản

2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-01-29

4.1 Mũ tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sâu khí tiếp xúc với mắt Trong trường hợp tiếp xúc với da Nếu nuốt phải:	oxi. Nếu ngừng thở, cung cấp hỗ hấp nhân tạo. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
	Rửa sạch ngay với nhiều nước. Kính áp tròng nên được loại bỏ. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
	Rửa sạch ngay với nhiều nước. Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Nếu nuốt phải:	KHÔNG GIỚI HẠN VOMITING trừ khi bác sĩ khuyến nên làm như vậy. Rửa miệng thật kỹ. Không bảo gờ cho bất cứ điều gì vào miệng của một người đã bất tỉnh. Được tư vấn y tế / chú ý nếu bạn cảm thấy không khỏe.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Sâu khí hít phải:	Hít phải có thể gây ho, tức ngực và kích thích hệ hô hấp.
Sâu khí tiếp xúc với mắt	Gây bỏng. Nguy cơ thiệt hại nghiêm trọng cho mắt.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Gây bỏng. Nguy cơ ảnh hưởng rất nghiêm trọng không thể đảo ngược.
Nếu nuốt phải:	Ăn vào có thể gây buồn nôn và nôn.

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

	Loại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiễm ngay lập tức. Chuyển đến bệnh viện nếu có bỏng hoặc triệu chứng ngộ độc. NẾU tiếp xúc hoặc liên quan: Nhận tư vấn y tế / sự chú ý. Nếu cần tư vấn y tế, có hộp đựng sản phẩm hoặc nhãn trong tay.
--	---

Thông tin khác

	Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn đề biết thêm thông tin.
--	--

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

	Trong trường hợp hỏa hoạn, sử dụng Carbon đioxit (CO2), Bột, Hóa chất khô, Bột. Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
--	--

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

	OXIDIZER MẠNH M , , LIỄN HỆ VỚI VẬT LIỆU KHÁC CÓ THỂ NGUYỄN NHÂN. Chứa chất gây nguy hiểm cho môi trường. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm chonguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.
--	--

5.3 Lợi khuyến dành cho lính cứu hỏa

	Trong trường hợp hỏa hoạn và / hoặc nổ khổng hít khói. Mặc bộ máy thở khép kín và quần áo bảo hộ.
--	---

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

	Áp dụng các cân nhắc Xử lý thủ công tốt nhất khi xử lý, mang và phá chế. Tránh tia lửa, ngọn lửa, nhiệt và nguồn đánh lửa. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Sử dụng khí thích hợp: Thiết bị bảo vệ. Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
--	---

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

	Ngăn chặn sự cố tràn thềm nếu an toàn. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không xả vào nước mặt. Đùng để sản phẩm gây ô nhiễm dưới đất.
--	--

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch

	Chất lỏng dễ cháy. Hấp thụ với vật liệu trơ, thấm nước. Dọn chỗ đổ. Chuyển đến container thích hợp, có nhãn đề xử lý. Vứt bỏ vật liệu này và thùng chứa của nó đến điểm thụ gom chất thải nguy hại hoặc đặc biệt. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải.
--	--

Peraxide, à Peroxyacetic Acid-Based Sanişizer/Disinfectant

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-01-29

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch

Làm sạch bằng chất tẩy rửa. Tránh dụng môi.

6.4 Xem các mục khác

Xem phần 2, 8 & 13 để biết thêm thông tin.

Phần 7. Các lưu ý khi thảo tác và lưu trữ

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thảo tác an toàn với hoá chất

Áp dụng các cân nhắc Xử lý thủ công tốt nhất khi xử lý, mang và phá chế. Tránh tiếp xúc với mắt. Không ăn, uống hoặc hút thuốc ở những khu vực sử dụng hoặc bảo quản sản phẩm này. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Sử dụng khi thích hợp: quần áo bảo hộ. Đọc toàn bộ nhãn và làm theo tất cả các hướng dẫn sử dụng, hạn chế và biện pháp phòng ngừa.

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

OXIDIZER MẠNH M, LIỄN HỆ VỚI VẬT LIỆU KHÁC CÓ THỂ NGUYỄN NHÂN. Lưu trữ trong các thùng chứa có nhãn chính xác. Giữ kín thùng chứa. Không làm ổ nhiễm nước, thực phẩm hoặc thức ăn bằng cách lưu trữ hoặc xử lý. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

7.3 Sử dụng cụ thè

See Section 1.2 for further information.

Thông tin khác

Thảm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin.


Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thống số kiểm soát

8.1.1. Giá trị giới hạn phơi nhiễm

Acetic acid ...% (Acid acetic)	Gìon hản tiếp xúc cả làm việc 25 (TWA): Nhóm độc tính theo IARC:	Gìon hản tiếp xúc ngắn (STEL): 35
Sulphuric acid...% (Acid sulfuric)	Gìon hản tiếp xúc cả làm việc 1.0 (TWA): Nhóm độc tính theo IARC: 1	Gìon hản tiếp xúc ngắn (STEL): 2.0

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

	
8.2.1. Các biện pháp kỹ thuật	Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.
8.2.2. Các biện pháp bảo hộ cá nhân	Sử dụng khi thích hợp: Thiết bị bảo vệ.
Bảo vệ mắt/mặt	Sử dụng khi thích hợp: Bảo vệ mắt/mặt.
Bảo vệ tay	Sử dụng khi thích hợp: Găng tay chống hoá chất làm bằng bất kỳ vật liệu chống thấm nào.
Thiết bị bảo hộ khác	Sử dụng khi thích hợp: quần áo bảo hộ.
Bảo vệ hô hấp	Trong trường hợp thiếu gió, đeo thiết bị hô hấp thích hợp.

Peraxide, ả Peroxyacetíc Acid-Básed Sản ảtizer/Dảsảnfectảnt

Phiẻn bản

2

ảy tháng sảả đải, bổ sụng gảnnhảt 2020-01-29

8.2 Kảm sảt phải nhảm

Kảm sảt phải nhảm nghẻ nghiệp	Trảnh xả sảc nỏng / tả lửả / lửả / bề mảt nỏng. - Khỏng hứt thựốc. Trảnh xả các thực phảm, đờ ống và thực ản gải sảc chấtlệụ. Cụng cấp hỏả chấttả. Cụng cấp trạm rửả mảt.
-------------------------------	---

Thỏng tậ khác

	Thảm khỏ nhản sản phảm đẻ biẻt thẻm các yẻu cầ và khuyẻn nghị PPE. Thực ảiẻn theo các hứớng dẫn nhản.
--	---

Phần 9. Các tậ chấ vậ lý và hóả học

9.1 Thỏng tậ cơ bản về các đặ tậ vậ lý và hóả học

Hình thẻ	Chấ lỏng
Mảu sắ	Thỏng thoảng
Mủ đặ trưng	Đặ đẻm
Áp sứấ hóả hợ	Khỏng có thỏng tậ
Tỷ trụng hợ tưở đố	Khỏng có thỏng tậ
Tỷ trụng tưở đố	1.1 - 1.15
Hẻ số phản tản	Khỏng có thỏng tậ
Nhiệt độ tự bứố chấ	Khỏng có thỏng tậ
Độ nhứt, động lực	Khỏng có thỏng tậ
Đặ tậ chấ nổ	Khỏng có thỏng tậ
Đặ tậ ốxy hóả	Oxidizer
Ngường mủ	Khỏng có thỏng tậ
Độ pH	2 - 3
Đẻm nỏng chấ	Khỏng có thỏng tậ
Đẻm đứng bảng	Khỏng có thỏng tậ
Đẻm sủi/khoảng sủi	Khỏng có thỏng tậ
Đẻm chớp chấojnt	75 ỏC
Tỷ lệ hóả hợ	Khỏng có thỏng tậ
Khả năng bắt chấ (chấ rản, khí)	Khỏng áp dụng đượ
Tậ tản trụng nước	Hoả tản trụng nước

9.2 Các dữ liẻụ khác

VOC (Hợ chấ hứy cơ đẻ bả hợ)	Khỏng có thỏng tậ
------------------------------	-------------------

Phần 10. Tậ ổn địn và tậ phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

	Ổn địn trụng đẻu kiện bình thườg.
--	-----------------------------------

10.2 Tậ ổn địn hóả học

	Ổn địn trụng đẻu kiện bình thườg.
--	-----------------------------------

10.3 Khả năng xả rả phản ứng nguy hiẻm

	Trụng các đẻu kiện quy địn, các phản ứng nguy hiẻm dẫn đẻn nhiệt độ hoặc áp sứấ quỏ mức khỏng đượ mong đờ.
--	--

10.4 Các đẻu kiện cần trảnh

	Trảnh xả sảc nỏng / tả lửả / lửả / bề mảt nỏng. - Khỏng hứt thựốc.
--	--

10.5 Các vậ liẻụ xụng khấ

	Tiếp xức vớ chấ đẻ chấ có thẻ gảy hoả hoặ. Trảnh xả Vậ liẻụ đẻ chấ.
--	---

Peraxide, ả Peroxyacetíc Acid-Básed Sản ảtizer/Dỉsảnfectảnt

Phiến bản

2

ỷ thảng sảả đỏi, bổ sụng gảnnhất 2020-01-29

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiệmm

Ôxít cảrbon.

Phần 11. Thống tịn độc học

11.1 Thống tịn về các ảnh hưởng độc sảnh thỏi

Ngộ độc cấp tẻnh	Có hại nếu nuốt phải.
Ăn mòn / kớch ứng đá	Gây bồng. Nguy cơ có thể có tác dụng khổng thề đảo ngược.
Tổn thươg / kớch ứng mắt ngộ hiệmm trọng	Gây viêm nặng và có thể làm hỏng giác mạc.
Nhạy cảm	Có thể gây rả phản ứng dị ứng ở những người nhạy cảm.
Biến đỏi tế bào gốc	Khổng có tác dụng gây đột biến được báo cáo.
Độc tẻnh gây ụng thư	Được liệt kê bởi Cơ quản Nghiềnn cứu Ung thư Quốc tế (IARC) dưới dạng Chấtt nhóm 3: bằng chứng khổng hỗ trợ chấtt này là chấtt gây ụng thư ở người, [Hydrogen peroxide, CAS No. 7722-84-1]. Khổng được liệt kê trong Báo cáo lần thứ 14 của Chương trình Chấtt độc quốc giả (NTP) về chấtt gây ụng thư. Khổng được liệt kê trong Hội nghị các nhà vệ sảnh công nghiềnn chính phủ Hoả Kỳ (ACGIH) Hướng dẫn về các giá trị tiếp xúc nghiềnn. Khổng được liệt kê trong tiều chuẩn OSHA 1910.1003 Chấtt gây ụng thư.
Độc tẻnh đỏi với sảnh sản	Khổng có tác dụng gây quỏi thỏi báo cáo.
Độc tẻnh hệ thống lờn cơ quản mục tiều cụ thề -phối nghiềnn đơn lẻ	Có thể gây rả dị ứng hoặc hen suyềnn hoặc các triệu chứng khó thở nếu hít.
Độc tẻnh tổng thề lờn cơ quản đích cụ thề - phối nghiềnn lần	Các thành phần có thể gây tổn hại cho các bộ phận cơ thể người dựa trên dữ liệu độnđ vật.
Nguy cơ hổ hấp	Khổng có mối nguy hiệmm đáng kê.
Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài	Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Phối nghiềnn trên giới hạn phối nghiềnn nghiềnn được đề xuất (OEL) có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Sự xuất hiện chậm trễ của các khiệu nại và phát triển quá mản cảm (khó thở, ho, hen suyềnn) là có thể.

11.1.2. Hổn hợp

Xem Phần (3) đề biếtt thềm thống tịn.

11.1.3. Thống tịn nguy hiệmm

Xem Phần (2 ảnd 3) đề biếtt thềm thống tịn.

11.1.4. Thống tịn độc tẻnh

Khổng có thống tịn

11.1.5. Nhóm sự cố

Xem Phần (2 ảnd 14) đề biếtt thềm thống tịn.

11.1.6. Tiều chí phân loại

Dựa trên các cân nhắc của Hệ thống hài hoà toàn cầu (GHS) đề phân loại hổn hợp. Xem Phần 15 đề trích dẫn quy đẻnh.

11.1.7. Thống tịn về các tuyến đườg có khả năng bị phối nghiềnn

Sảu khí tiếp xúc với mắt. Trong trường hợp tiếp xúc với đá. Sảu khí hít phải: Nếu nuốt phải:.

11.1.8. Các triệu chứng liềnn quỏn đến các đặtt tẻnh vật lý, hoả học và độc tẻnh

Xem Phần (4.2) đề biếtt thềm thống tịn.

Peraxide, ả Peroxyacetate Acid-Based Sản ử tizer/Dử s ử nfectant

Phi ẻn bản

2

y tháng s ử ả đ ổi, b ổ s ụng gần nhất 2020-01-29

11.1.9. Các tác dụng bị trì hoãn và ng ảy lập tức cũng như các tác động mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn

	Xem Phần (4.2) đ ề bi ết th êm th ống t ịn.
--	---

11.1.10. Hi ệu ứng tương tác

	Kh ổng có th ống t ịn.
--	------------------------

11.1.11. Thi ết d ữ li ệu cụ th ề

	<1% h ỗn hợp này b ảo g ồm các thành phần đ ộc tính cấp tính ch ưa bi ết.
--	---

11.1.12. H ỗn hợp so với th ống t ịn ch ất

	Xem Phần (3) đ ề bi ết th êm th ống t ịn.
--	---

11.1.13. Th ống t ịn khác

	Chú ý - ch ất ch ưa đ ược ki ểm tra đ ầy đ ủ.
--	---

Phần 12. Th ống t ịn sinh th ái học

12.1 Đ ộc tính

	Kh ổng có th ống t ịn
--	-----------------------

12.2 Tính bền vững và phân hủy

	Kh ổng có th ống t ịn.
--	------------------------

12.3 Ti ềm năng tích lũy sinh học

	Kh ổng có th ống t ịn.
--	------------------------

12.4 Tính bi ến đ ổi trong đ ất

	Kh ổng có th ống t ịn.
--	------------------------

12.5 K ết quả đ ánh giá PBT và vPvB

	Kh ổng có th ống t ịn.
--	------------------------

12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

	Thu ốc trừ sâu này đ ộc hại đ ối với các sinh vật d ưới nước, b ảo g ồm cá và đ ộng vật kh ổng xương sống. Kh ổng áp dụng trực tiếp vào hoặc gần nước. Tr ội và ch ảy r ả có th ề gây nguy hi ềm cho cá trong vùng nước gần khu vực đ ược xử lý. Kh ổng làm nhi ệm b ản nước khi v ứt b ỏ thi ết bị, nước rửa hoặc nước rửa. Xem H ướng dẫn s ử dụng trên nh ãn s ản ph ẩm đ ề bi ết th êm các bi ện pháp phòng ng ừa và y ẻu cầu.
--	--

Phần 13. Các l ự ý về ti ệu hủy

13.1. Các phương pháp xử lý ch ất th ải

	V ứt b ỏ như ch ất th ải đ ặc bi ệt tuân thủ quy đ ịnh của địa phương và quốc gi ả.
--	---

Phương pháp xử lý

	Kh ổng làm nhi ệm b ản nước bằng cách làm sạch thi ết bị hoặc xử lý ch ất th ải. Kh ổng xả vào nước mặt. V ứt b ỏ tuân thủ tất cả quy đ ịnh của địa phương và quốc gi ả.
--	--

Xử lý bảo bì

	Container kh ổng th ề đ ổ. Kh ổng tái s ử dụng đ ồ ch ứa này. L ự trữ trong h ộp kín b ản đ ầu cách xả thực ph ẩm hoặc thức ản.
--	--

Th ống t ịn khác

	Th ảm khảo nh ãn s ản ph ẩm và / hoặc g ói ch èn đ ề bi ết th êm th ống t ịn.
--	---

Phần 14. Th ống t ịn vận ch uyền

Peraxide, à Peroxyacetic Acid-Based Sànjìtizer/Dìsjìnfectànt

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-01-29

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



14.1 Số UN

UN3109

14.2 Tên vận chuyển thích hợp

ORGANIC PEROXIDE, TYPE F, LIQUID (Peroxyacetic acid, stabilized)

14.3 Hạng

ADR/RID	5.2
Rủi ro phụ	-
IMDG	5.2
Rủi ro phụ	-
IATA	5.2
Rủi ro phụ	-

14.4 Nhóm đóng gói

Nhóm đóng gói

-

14.5 môi trường độc hại

Mối nguy hiểm môi trường	No
Ổn định môi trường biển	No

ADR/RID

ID nguy hiểm	539
Mã giới hạn đối với vận chuyển qua đường hầm	(D)

IMDG

EmS	F-J S-R
-----	---------

IATA

Hướng dẫn đóng gói (chở hàng)	570
Số lượng tối đa	25 L
Hướng dẫn đóng gói (Hành khách)	570
Số lượng tối đa	10 L

Phần 15. Thông tin pháp luật

15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Quy định	Thông tư số 04/2012/TT-BCT.
Danh mục hóa chất / Danh sách phải biết:	- Quốc tế--. Cộng ước Basel (Chất thải nguy hại): H5.2, H8. Cộng ước vũ khí hóa học (OPCW): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo. Khí nhà kính Nghị định thư Kyoto: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo. Thỏa thuận Mercosur: Không áp dụng được.

Peraxide, à Peroxyacetic Acid-Based Sanitizer/Disinfectant

Phiên bản

2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-01-29

15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Nghị định thư Montréal: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.

Cổng ước Rotterdam: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.

Cổng ước Stockholm: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.

--Asià và các quốc gia ASEAN--.

Danh mục hóa chất độc hại (Trung Quốc): [903, Hydrogen peroxide, CAS No. 7722-84-1], [2630, Ethanoic acid solution, CAS No. 64-19-7], [1302, Sulfuric acid, CAS No. 7664-93-9].

Quy định của Bộ trưởng Bộ Thương mại Cộng hòa Indonesia, Số 75, Năm 2014, về Sửa đổi thứ hai của Bộ trưởng Bộ Thương mại, Số 44, Năm 2009, về Cấp, Phân phối và Kiểm soát các Chất độc hại: Vật liệu độc hại có thể sử dụng, [Hydrogen peroxide, CAS No. 7722-84-1], [Acetic acid, CAS No. 64-19-7].

Lệnh kiểm soát các chất hóa học (Nhật Bản): Đánh giá ưu tiên, (hệ sinh thái), Luật kiểm soát ô nhiễm nước:, [Hydrogen peroxide, CAS No. 7722-84-1], Đánh giá ưu tiên, (hệ sinh thái), [217, 1-Hydroxyethane-1,1-diphosphonic acid, CAS No. 2809-21-4].

Đạo luật về an toàn và sức khỏe công nghiệp, các chất nguy hiểm (Nhật Bản): Yêu cầu ghi nhãn / thông báo, Oxy hóa, [Hydrogen peroxide, CAS No. 7722-84-1], Dễ cháy, [Acetic acid, CAS No. 64-19-7].

Đạo luật về chất độc và độc hại (Nhật Bản): Tuyệt vời, [Hydrogen peroxide, CAS No. 7722-84-1].

Các chất hóa học được phép (Hàn Quốc): Chất độc hại, [97-1-2, Hydrogen peroxide, CAS No. 7722-84-1].

Các chất bị hạn chế hoặc bị cấm (Hàn Quốc): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.

Sử dụng và các tiêu chuẩn tiếp xúc với hóa chất có hại cho sức khỏe (USECHH), Quy định 2000 (Malaysia): Lịch trình tiếp xúc I, Quy định lớp, [Hydrogen peroxide, CAS No. 7722-84-1], [Acetic acid, CAS No. 64-19-7], Quy định lớp, [Sulfuric acid, CAS No. 7664-93-9].

Kiểm kê hóa chất và hóa chất của Philippines (PICCS): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.

Đạo luật kiểm soát các chất hóa học và chất độc có liên quan đến Đài Loan (TCCSCA): [1/87, Sulfuric acid, CAS No. 7664-93-9].

Đạo luật về các chất độc hại (Thái Lan): Loại 1, [Hydrogen peroxide, CAS No. 7722-84-1].

Lệnh Hóa chất (Việt Nam): Tùy thuộc vào sản xuất và kinh doanh công nghiệp có điều kiện, Phải khai báo bắt buộc, [Hydrogen peroxide, CAS No. 7722-84-1], Tùy thuộc vào sản xuất và kinh doanh công nghiệp có điều kiện, [Acetic acid, CAS No. 64-19-7], Phụ lục VI, Phụ lục VII, [Sulfuric acid, CAS No. 7664-93-9].

--Úc và New Zealand--.

Mã hàng nguy hiểm của Úc: Class 5.2.

Kiểm kê các chất hóa học (AICS) của Úc: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.

Tồn kho hóa chất New Zealand (NZIoC): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.

- Liên minh châu Âu (EU) và Vương quốc Anh (Anh) -.

Phụ lục XVII cho REACH: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.

Điều 95 của Quy định về Sản phẩm Biocidal (BPR): [PT1, Hydrogen peroxide, CAS No. 7722-84-1].

Danh sách ủy quyền (Phụ lục XIV của REACH): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.

--Bắc Mỹ--.

Danh sách các chất trong nước / ngoài nước (DSL / NDSL): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.

Đạo luật kiểm soát các chất độc hại (TSCA): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.

Danh sách các chất độc hại cần biết của Massachusetts: Acetic acid.

Đạo luật Quyền được biết của Công nhân và Cộng đồng New Jersey: Hydrogen peroxide, Acetic acid.

Quyền được biết của Pennsylvania: Hydrogen peroxide, Acetic acid.

Peraxide, à Peroxyacetic Acid-Based Sản phẩm/Dịch tẩy

Phiên bản

2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-01-29

15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

	Lệnh chung về quyền được biết của Rhode Island: Acetic acid (glaciãl).
	Dự luật 65 của California: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.

Thông tin khác

Cơ quan quy định bổ sung:	Sản phẩm này được quy định là thuốc trừ sâu theo các yêu cầu của Đạo luật diệt côn trùng, diệt nấm và diệt chuột liên bang (FIFRA).
Lời cảnh báo	NGUY HIỂM.
Các biện pháp phòng ngừa nhãn	Tránh xa tầm tay trẻ em. Nguy hiểm cho con người và vật nuôi. Ăn mòn. Gây tổn thương mắt không hồi phục. Gây bỏng da. Có hại nếu nuốt. Có thể gây tử vong nếu hít phải. Không nhận được vào mắt, da, hoặc trên quần áo. Không hít hơi hoặc phun sương. Đeo kính bảo hộ hoặc tấm chắn mặt và găng tay cao su khi xử lý sản phẩm này. Mặc quần áo bảo hộ. Rửa kỹ bằng xà phòng và nước sạch khi xử lý và trước khi ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng thuốc lá hoặc sử dụng nhà vệ sinh. Cởi bỏ và giặt quần áo bị nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng.

Phần 16. Các thông tin khác

Các thông tin khác

Phiên bản	Tài liệu này khác với phiên bản trước trong các lĩnh vực sau:. 15 - Cơ quan quy định bổ sung:. 15 - Lời cảnh báo. 15 - Các biện pháp phòng ngừa nhãn.
Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn	ACGIH: Hội nghị vệ sinh công nghiệp chính phủ Hoa Kỳ. ADR / RID: Các thỏa thuận châu Âu liên quan đến vận chuyển hàng hóa nguy hiểm quốc tế bằng đường sắt (RID) và bằng đường bộ (ADR). CAS số: Dịch vụ tóm tắt hóa học. LỚP: Bảng phân loại, ghi nhãn và dữ liệu an toàn của quy định về hóa chất độc hại 2013 (Mã hóa). GHS: Hệ thống hài hòa toàn cầu. HCS 2012: Tiêu chuẩn truyền thống nguy hiểm của Hoa Kỳ (sửa đổi năm 2012). IATA: Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế. ICAO: Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế. IMDG: Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế. LC: Nồng độ tử vong. LD: Liều gây tử vong. OEL: Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp. OSHA: Cơ quan quản lý sức khỏe và an toàn lao động Hoa Kỳ. PEL: Giới hạn phơi nhiễm cho phép. REACH: Đăng ký, Đánh giá, Ủy quyền và Hạn chế Hóa chất. SVHC: Chất gây lo ngại rất cao. Liên hợp quốc. DOT Hoa Kỳ: Bộ Giao thông Vận tải Hoa Kỳ. VOC: Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi. WEL: Giới hạn tiếp xúc nơi làm việc.
Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 3.	Ox. Lịq. 1: H271 - Có thể gây ra cháy, nổ; oxidiser mạnh. Ox. Lịq. 2: H272 - Có thể tăng cường hỏa hoạn; oxidiser. Acute Tox. 4: H302 - Có hại nếu nuốt. Skin Corr. 1A: H314 - Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt. Skin Corr. 1B: H314 - Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt. Skin Irrit. 2: H315 - Gây kích ứng da. Eye Dãm. 1: H318 - Gây thiệt hại mắt nghiêm trọng. Eye Irrit. 2: H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

Peraxide, ả Peroxyacetíc Acid-Básed Sảnítizer/Dĩsĩnfectảnt

Phiẻn bản 2

y tháng sửa đỏi, bổ sung gầnnhất 2020-01-29

Các thống tịn khác

	<p>Acute Tox. 4: H332 - Có hại nếu hít.</p> <p>STOT SE 3: H335 - Có thể gây kích ứng đường hổ hấp.</p> <p>Flảm. Lĩq. 3: H226 - Chảt lỏng dễ cháy và hổi.</p> <p>Met. Corr. 1: H290 - Có thể ản mòn các kịm loạỉ ản mòn kịm loạỉ.</p>
--	--

Thống tịn khác

	<p>TUYỂN BỐ TỪ CHỐI: Các thống tịn và khuyẻn nghị được nều trong tài liẻu này ("Thống tịn") được trình bày với thịẻn chí và được cho là chính xỏc kẻ từ ngày bản hành. Khỏng có đỏi diện nào được thực hiẻn liẻn quỏn đẻn tịn đầy đủ hoặch chính xỏc củả Thống tịn. Hỏn nữa, do có nhiẻu yẻu tở ảnh hưởng đẻn viẻc sử dụng sản phảm này, Thống tịn được cung cấp với đỉẻu kiện người đỏ nhận được sẽ tự quyẻt địn về sự phù hợp củả mình cho mục đỉch dụy nhấh củả họ, trước khi sử dụng .</p> <p>Trừ khi được quy địn rõ ràng trong tài liẻu này, KHỎNG CÓ ĐẢM BẢO, BẢO ĐẢM, HOẶC ĐẠI DIỄN CỦA BẮT K K LOẠI NÀO, ĐẠI DIỄN HOẶC ĐẠI DIỄN CỦA BẮT K K LOẠI NÀO, R EX RÀNG HOẶC ĐẠI DIỄN ĐƯỢc GIẢ QUYẾT B USNG VIỄC SỬ DỤNG SẢN PHẢM NÀY được thực hiẻn đỏi với sản phảm này hoặch sử dụng sản phảm này. Sản phảm được bảo hiẻm được trỏng bị "nguyẻn trỏng" và chỉ tụn theo các bảo hành được cung cấp ở đỏy, khỏng có trỏch nhiẻm pháp lý nào xảy rỏ do viẻc sử dụng sản phảm này.</p>
--	--